

KẾ HOẠCH

Kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về trẻ em và phòng, chống xâm hại trẻ em trên địa bàn thị xã năm 2023

Thực hiện Công văn số 216/LĐTBXH-TTr ngày 9/01/2023 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Công văn số 669/UBND-VH ngày 31/01/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về việc thanh tra, kiểm tra việc thực hiện chính sách, pháp luật về trẻ em và phòng, chống xâm hại trẻ em.

Nhằm đảm bảo việc thực hiện chính sách, pháp luật về trẻ em kịp thời, hiệu quả, Ủy ban nhân dân thị xã Hương Trà ban hành Kế hoạch kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về trẻ em và phòng, chống xâm hại trẻ em trên địa bàn thị xã năm 2023 với những nội dung sau:

I. Mục đích, yêu cầu

1. Mục đích

- Kiểm tra tình hình triển khai thực hiện của các địa phương trong việc thực hiện chính sách, pháp luật về trẻ em và phòng, chống xâm hại trẻ em.
- Tăng cường công tác truyền thông nâng cao nhận thức, kiến thức của các cấp, các ngành về chính sách, pháp luật về trẻ em.
- Đẩy mạnh thực hiện các kế hoạch, hoạt động phối hợp liên ngành triển khai công tác phòng, chống tai nạn, thương tích trẻ em và phòng, chống xâm hại trẻ em.
- Kịp thời phát hiện những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai, tổ chức thực hiện để đề xuất các giải pháp khắc phục.

2. Yêu cầu

- Công tác kiểm tra, giám sát phải bám sát mục tiêu thực hiện các quyền của trẻ em theo Công ước quốc tế về trẻ em và Luật Trẻ em.
- Hoạt động giám sát, đánh giá phải đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, đơn vị có liên quan.
- Công tác giám sát, đánh giá được thực hiện thường xuyên theo định kỳ hoặc đột xuất đảm bảo thời gian, nội dung theo quy định.

II. Nội dung, đối tượng, thời gian kiểm tra, giám sát

1. Nội dung kiểm tra, giám sát

a. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo và triển khai chính sách, pháp luật về quyền trẻ em và phòng, chống xâm hại trẻ em

- Việc ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành
- Việc xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch, đề án

b. Công tác đảm bảo thực hiện quyền trẻ em và phòng, chống xâm hại trẻ em

- Hoạt động tuyên truyền, phổ biến kiến thức, kỹ năng
- Việc bố trí cán bộ làm công tác bảo vệ trẻ em, mạng lưới cộng tác viên bảo vệ trẻ em
- Việc đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn
- Trách nhiệm của UBND các xã, phường trong việc đảm bảo quyền của trẻ em
- Công tác thanh tra, kiểm tra; giải quyết khiếu nại, tố cáo

c. Việc hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại, trẻ em có nguy cơ bị xâm hại, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt

- Công tác quản lý, tiếp nhận, xử lý thông tin, xây dựng và thực hiện kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại, trẻ em có nguy cơ bị xâm hại, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt

- Việc thực hiện các chính sách hỗ trợ

- Kinh phí hoạt động

2. Đối tượng: các xã, phường trên địa bàn thị xã Hương Trà.

3. Thời gian kiểm tra, giám sát

- Các xã, phường tổ chức tự kiểm tra, giám sát: Từ ngày 10/03/2023 đến ngày 31/03/2023.

- Cấp thị xã tổ chức kiểm tra, giám sát: Từ ngày 01/04/2023 đến ngày 31/12/2023.

III. Tổ chức thực hiện

1. Phòng Lao động - TB và XH thị xã

Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thị xã chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan và Ủy ban nhân dân các xã, phường triển khai thực hiện các nội dung Kế hoạch này.

Đảm bảo chế độ, chính sách đối với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, nhất là trẻ em bị bỏ rơi, trẻ em mồ côi không nơi nương tựa, hỗ trợ trẻ em rơi vào hoàn cảnh đặc biệt do COVID-19.

Tổng hợp, báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát gửi Ủy ban nhân dân thị xã và Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

2. Phòng Giáo dục và Đào tạo

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, ban ngành liên quan tổ chức thực hiện các mục tiêu của Chương trình về giáo dục.

Chỉ đạo các trường học tuyên truyền về quyền, bổn phận của trẻ em, trách nhiệm công dân, kỹ năng sống trong chương trình giáo dục của cấp học, bậc học phù hợp với từng lứa tuổi trẻ em.

Giáo dục kỹ năng sống, kỹ năng tự bảo vệ, kỹ năng giao tiếp, ứng xử tích cực cho học sinh.

Chỉ đạo các đơn vị tiếp tục triển khai và thực hiện các nội dung theo Nghị định số 80/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2018 của Chính phủ quy định về môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường.

3. Phòng Văn hóa và Thông tin

Chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan, các địa phương tổ chức các hoạt động văn hoá, vui chơi giải trí cho trẻ em, đảm bảo cho trẻ em được tiếp cận môi trường văn hóa lành mạnh..

Tăng cường công tác kiểm tra, quản lý chặt chẽ việc xuất bản các sản phẩm văn hóa có nội dung không phù hợp với trẻ em, có các biện pháp bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng.

4. Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền phòng, chống tội phạm xâm hại và xâm hại tình dục trẻ em, từng bước giảm dần, tiến tới làm giảm cơ bản loại tội phạm này trong khu vực nhà trường và tại cộng đồng khu dân cư ở địa bàn trọng điểm, góp phần làm giảm tội phạm hình sự nói chung, đảm bảo trật tự an toàn xã hội.

Tăng cường thông tin, tuyên truyền, giáo dục, vận động xã hội nhằm nâng cao nhận thức, kiến thức, kỹ năng về phòng, chống tai nạn thương tích và đuối nước trẻ em cho trẻ em, gia đình, trường học, cộng đồng và xã hội.

5. Công an thị xã

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị tuyên truyền và thực hiện các biện pháp phòng ngừa, đấu tranh với các hành vi xâm hại trẻ em; can thiệp khẩn cấp nhằm ngăn chặn và xử lý kịp thời các trường hợp xâm hại và bạo lực đối với trẻ em theo Kế hoạch số 411/KH-CAT-PC02 ngày 22/01/2021 đã đề ra.

Tăng cường các biện pháp quản lý nhà nước về an ninh trật tự, nhằm tạo môi trường phát triển an toàn, lành mạnh cho trẻ em, kịp thời phát hiện trẻ em lao động trái quy định, phối hợp các cơ quan chức năng xử lý nghiêm theo quy định của Pháp luật.

Làm tốt công tác tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố, tiếp nhận, xử lý những thông tin liên quan tội phạm xâm hại tình dục trẻ em.

6. Ủy ban nhân dân các xã, phường

Căn cứ nội dung của Kế hoạch này, chủ động xây dựng kế hoạch và tổ chức tự kiểm tra, giám sát trên địa bàn.

Thực hiện các chế độ, chính sách đối với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt theo quy định của pháp luật nhà nước.

Xây dựng các biện pháp nhằm thực hiện hiệu quả các chính sách pháp luật về phòng, chống xâm hại trẻ em. Đảm bảo thực hiện quyền trẻ em phù hợp với đặc điểm, điều kiện của địa phương.

Tăng cường tuyên truyền, nâng cao nhận thức, vận động cán bộ, nhân dân tham gia tích cực công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em tại cộng đồng.

Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, đánh giá và báo cáo định kỳ, đột xuất theo yêu cầu về công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em tại địa bàn.

IV. Chế độ báo cáo

Báo cáo việc thực hiện chính sách pháp luật về trẻ em và phòng, chống xâm hại trẻ em từ năm 2021 đến thời điểm báo cáo (*theo đề cương báo cáo và các phụ lục đính kèm*) gửi Ủy ban nhân dân thị xã (qua Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thị xã) **trước ngày 31/03/2023** để tổng hợp.

Trên đây là Kế hoạch kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về trẻ em và phòng, chống xâm hại trẻ em trên địa bàn thị xã năm 2023. Quá trình triển khai, nếu có vướng mắc, các đơn vị, địa phương báo cáo về Ủy ban nhân dân thị xã (qua Phòng Lao động - TB&XH thị xã) để được hướng dẫn./.

Nơi nhận:

- CT và các PCT UBND TX;
- Các đơn vị nêu ở mục III;
- CVP, các PCVP, CVVX;
- Lưu: VT, LĐTBXH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đỗ Ngọc An

Phụ lục 01: Tình hình trẻ em trên địa bàn xã/phường*(Kèm theo Kế hoạch số 486/KH-UBND ngày 10/3/2023 của UBND TX)*

| TT | Nội dung | ĐVT | Năm 2021 | Năm 2022 | 3 tháng đầu năm 2023 |
|-----------|---|--------------|-----------------|-----------------|-----------------------------|
| 1 | Số trẻ em dưới 16 tuổi | Người | | | |
| | Số trẻ nam | Người | | | |
| | Số trẻ nữ | Người | | | |
| | Tỷ lệ trẻ em dưới 16/tổng dân số | % | | | |
| 2 | Số trẻ em dưới 6 tuổi | Người | | | |
| 2.1 | Tỷ lệ trẻ em dưới 6 tuổi/tổng dân số | % | | | |
| 2.2 | Số trẻ em dưới 6 tuổi được cấp thẻ BHYT | Người | | | |
| | - Trong đó: Số trẻ em dưới 6 tuổi được khám chữa bệnh bằng thẻ BHYT | Người | | | |
| 3 | Số người chưa thành niên từ 16 đến dưới 18 tuổi | Người | | | |
| | Tỷ lệ người chưa thành niên 16-18/tổng dân số | % | | | |
| 4 | Tổng số trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn | Người | | | |
| 4.1 | Trẻ em khuyết tật nặng | Người | | | |
| 4.2 | Trẻ em khuyết tật đặc biệt nặng | Người | | | |
| 4.3 | Trẻ em mồ côi cả bố và mẹ | Người | | | |
| 4.4 | Trẻ em mồ côi bố hoặc mẹ | Người | | | |
| 4.5 | Trẻ em bị bỏ rơi | Người | | | |
| 4.6 | Trẻ em bị nhiễm HIV/AIDS | Người | | | |
| 4.7 | Trẻ em vi phạm pháp luật | Người | | | |
| 4.8 | Trẻ em nghiện ma túy | Người | | | |
| 4.9 | Trẻ em phải bỏ học kiếm sống chưa hoàn thành phổ cập giáo dục trung học cơ sở | Người | | | |
| 4.10 | Trẻ em bị tổn hại nghiêm trọng về thể chất và tinh thần do bị bạo lực | Người | | | |
| 4.11 | Trẻ em bị xâm hại tình dục | Người | | | |
| 4.12 | Trẻ em bị bóc lột | Người | | | |
| 4.13 | Trẻ em thuộc hộ nghèo | Người | | | |
| | Trẻ em thuộc hộ cận nghèo | Người | | | |
| 5 | Trẻ em bị tai nạn thương tích | Người | | | |
| | Trong đó: trẻ em bị tử vong do tai nạn thương tích | Người | | | |

Số: /UBND-BC

....., ngày tháng năm 2023

BÁO CÁO

Việc thực hiện chính sách, pháp luật về trẻ em và phòng, chống xâm hại trẻ em

(Thời gian báo cáo: từ năm 2021 đến thời điểm báo cáo)

I. Khái quát tình hình địa phương

1. Tình hình đặc điểm, vị trí địa lý, dân số, tình hình kinh tế - xã hội của địa phương

2. Tình hình trẻ em (tại thời điểm báo cáo)

- Tổng số trẻ em trên địa bàn (nam/nữ).

- Tổng số trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt; số trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt phân chia theo các nhóm quy định tại Luật trẻ em và Nghị định 56/2017/NĐ-CP.

(Theo phụ lục 01)

II. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo và triển khai chính sách, pháp luật về quyền trẻ em và phòng, chống xâm hại trẻ em

1. Việc ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành

Các văn bản chỉ đạo, điều hành việc triển khai thực hiện chính sách, pháp luật về quyền trẻ em và phòng, chống xâm hại trẻ em được ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành.

2. Việc xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch, đề án

Việc triển khai Kế hoạch hành động quốc gia phòng, chống bạo lực, xâm hại trẻ em giai đoạn 2020-2025; Chương trình phòng, chống tai nạn thương tích trẻ em 2021-2030.

III. Công tác đảm bảo thực hiện quyền trẻ em và phòng ngừa xâm hại trẻ em

1. Hoạt động tuyên truyền, phổ biến kiến thức, kỹ năng

Việc tuyên truyền, giáo dục pháp luật về trẻ em; truyền thông, phổ biến kiến thức, kỹ năng và vận động xã hội thực hiện quyền trẻ em và phòng, chống xâm hại trẻ em; Hướng dẫn cơ quan, tổ chức, cơ sở giáo dục, gia đình, cá nhân về biện pháp, quy trình, tiêu chuẩn bảo đảm thực hiện quyền trẻ em và phòng, chống xâm hại trẻ em:

- Kết quả đạt được (*hình thức, nội dung, phương pháp và số lượt người được tuyên truyền, cung cấp thông tin*), đặc biệt quan tâm đến các hoạt động: Tuyên truyền, phổ biến cho cộng đồng, gia đình, trẻ em về mối nguy hiểm và hậu quả của các yếu tố, hành vi gây tổn hại, xâm hại trẻ em; về trách nhiệm phát hiện, thông báo trường hợp trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi; Cung cấp thông tin, trang bị kiến thức cho cha, mẹ, giáo viên, người chăm

sóc trẻ em, người làm việc trong cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em về trách nhiệm bảo vệ trẻ em, kỹ năng phòng ngừa, phát hiện các yếu tố, hành vi gây tổn hại, xâm hại trẻ em; Trang bị kiến thức, kỹ năng làm cha mẹ để bảo đảm trẻ em được an toàn; Giáo dục, tư vấn kiến thức, kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ em; Xây dựng môi trường sống an toàn và phù hợp với trẻ em.

- Kinh phí thực hiện cho từng hoạt động.

2. Việc bố trí cán bộ làm công tác bảo vệ trẻ em, mạng lưới cộng tác viên bảo vệ trẻ em

3. Việc đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn (đối với cán bộ, công chức, viên chức, người được giao làm công tác bảo vệ trẻ em, người chăm sóc trẻ em và mạng lưới cộng tác viên bảo vệ trẻ em)

- Số lớp tập huấn, nội dung tập huấn/số lượt người tham gia (*nêu rõ từng năm*).

- Hiệu quả tổ chức và hoạt động tập huấn, bồi dưỡng.

- Kinh phí thực hiện cho từng hoạt động.

4. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc đảm bảo quyền của trẻ em

4.1. Trách nhiệm trong việc đảm bảo quyền được khai sinh, có quốc tịch: việc đăng đăng ký khai sinh, giải quyết các vấn đề về quốc tịch của trẻ em, xác định cha, mẹ cho trẻ em.

Cung cấp số liệu cụ thể số trẻ em được khai sinh, chưa được khai sinh, số đã/chưa được xác định quốc tịch, số đã/chưa xác định cha mẹ.

4.2. Trách nhiệm trong việc đảm bảo cho trẻ em được tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe có chất lượng và công bằng tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh

Cung cấp số liệu về cấp thẻ bảo hiểm y tế; hỗ trợ chi phí khám chữa bệnh; hỗ trợ mua thẻ bảo hiểm y tế (*nêu rõ từng năm*)

- Số trẻ em được cấp thẻ bảo hiểm y tế:..... em, số tiền..... đồng.

- Số trẻ em được hỗ trợ mua thẻ bảo hiểm y tế: em, số tiền..... đồng.

- Số trẻ em được hỗ trợ chi phí khám chữa bệnh: em, số tiền..... đồng.

4.3. Trách nhiệm trong bảo đảm việc thực hiện quyền và bổn phận của trẻ em trong nhà trường, cơ sở giáo dục khác; bảo đảm trẻ em được hoàn thành chương trình giáo dục phổ cập và tạo điều kiện học ở trình độ cao hơn

- Tỷ lệ phổ cập giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở

- Số trẻ em bỏ học:..... em, nguyên nhân chủ yếu.

- Số trẻ em được miễn giảm học phí, được hỗ trợ tiền ăn, chi phí học tập: nêu cụ thể số trẻ em được hỗ trợ, mức hỗ trợ và số tiền hỗ trợ (*nêu rõ từng năm*).

4.4. Trách nhiệm trong bảo đảm trẻ em được vui chơi, giải trí, hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể dục, thể thao, du lịch

Việc bố trí quỹ đất, đầu tư xây dựng điểm vui chơi, giải trí, hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể thao cho trẻ em; bảo đảm điều kiện, thời gian, thời điểm thích hợp để trẻ em được tham gia hoạt động tại các thiết chế văn hóa, thể thao.

5. Công tác thanh tra, kiểm tra; giải quyết khiếu nại, tố cáo

Các cuộc thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến trách nhiệm thực hiện quyền trẻ em, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, phòng, chống xâm hại trẻ em đã/đang được thực hiện trên địa bàn xã/phường, kết quả thanh tra, kiểm tra; việc thực hiện các kiến nghị, yêu cầu.

IV. Việc hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại, trẻ em có nguy cơ bị xâm hại, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt

1. Công tác quản lý, tiếp nhận, xử lý thông tin, xây dựng và thực hiện kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại, trẻ em có nguy cơ bị xâm hại, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt

- Tình hình trẻ em bị xâm hại, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt: Số trẻ em bị xâm hại, số trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn.

(Thống kê số trẻ em bị xâm hại theo Phụ lục số 02 kèm theo)

- Việc tiếp nhận, xử lý thông tin, xây dựng và thực hiện kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại, trẻ em có nguy cơ bị xâm hại, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt: liệt kê các vụ việc được thông tin thông qua tổng đài quốc gia về bảo vệ trẻ em 111; việc chỉ đạo xử lý thông tin và xây dựng, thực hiện kế hoạch hỗ trợ, can thiệp; việc chỉ đạo điều tra, truy tố người có hành vi xâm hại trẻ em.

- Việc thực hiện bảo mật thông tin đối với trẻ em trong quá trình trước, trong và sau hỗ trợ, can thiệp: số vụ việc trẻ em bị vi phạm quyền bí mật đời sống riêng tư (nếu có).

- Việc phối hợp xác minh, đánh giá, điều tra về hành vi xâm hại, tình trạng mất an toàn hoặc gây tổn hại, mức độ nguy cơ gây tổn hại đối với trẻ em.

- Việc sử dụng lao động chưa thành niên tại các cơ sở sản xuất kinh doanh khu vực phi chính thức.

(Thống kê theo phụ lục số 03 kèm theo)

2. Việc thực hiện các chính sách hỗ trợ

2.1. Chính sách chăm sóc sức khỏe

- Việc tư vấn, bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cho trẻ em bị xâm hại. Số trẻ em bị xâm hại được tư vấn, trị liệu tâm lý.

- Việc giám định sức khỏe cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt; Số trẻ em được hỗ trợ; Kinh phí thực hiện.

- Chính sách chăm sóc sức khỏe đối với trẻ em bị nhiễm HIV/AIDS và trẻ em bị mắc bệnh hiểm nghèo; trẻ em khuyết tật.

2.2. Chính sách trợ giúp xã hội và chăm sóc thay thế

- Việc thực hiện chính sách trợ giúp xã hội đối với trẻ em bị xâm hại, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt:

+ Số trẻ em được chăm sóc thay thế (ghi rõ: *Bởi người thân thích nào? Bởi cá nhân, gia đình khác? Nhận con nuôi? Tại cơ sở trợ giúp xã hội?*)

+ Số trẻ em được hỗ trợ khẩn cấp; Tổng số kinh phí.

+ Số trẻ em được trợ cấp thường xuyên; Tổng số kinh phí.

+ Số cá nhân, gia đình nhận chăm sóc trẻ em được hỗ trợ khẩn cấp; Tổng số kinh phí.

+ Số cá nhân, gia đình nhận chăm sóc trẻ em được hỗ trợ thường xuyên; Tổng số kinh phí.

+ Tổng số cơ sở trợ giúp xã hội đang chăm sóc thay thế trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt; Số trẻ em; Kinh phí thực hiện.

2.3. Chính sách hỗ trợ pháp lý

Việc hỗ trợ pháp lý cho trẻ em bị xâm hại; Số trẻ em bị xâm hại được hỗ trợ pháp lý.

2.4. Chính sách hỗ trợ giáo dục, đào tạo

- Việc thực hiện chính sách hỗ trợ giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp đối với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em bị xâm hại.

- Việc thực hiện chính sách hỗ trợ về giáo dục, đào tạo đối với trẻ em khuyết tật.

(Thống kê theo Phụ lục số 04 kèm theo)

3. Kinh phí hoạt động

- Việc bố trí, quản lý, sử dụng kinh phí

- Các nguồn kinh phí tài trợ, huy động từ các tổ chức, cá nhân

- Việc tổ chức và quản lý quỹ bảo trợ trẻ em trên địa bàn.

(Số liệu báo cáo theo Phụ lục số 05 kèm theo)

V. TỰ ĐÁNH GIÁ VÀ KIẾN NGHỊ

1. Những thuận lợi của địa phương trong thực hiện chính sách, pháp luật về quyền trẻ em và phòng, chống xâm hại trẻ em.

2. Những khó khăn, vướng mắc trong thực hiện chính sách, pháp luật về quyền trẻ em và phòng, chống xâm hại trẻ em.

3. Nguyên nhân những thuận lợi, khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

4. Kiến nghị:

4.1. Về sửa đổi, bổ sung chính sách (nếu có).

4.2. Về tổ chức thực hiện.

TM. UBND

(Kèm theo báo cáo cấp xã)

Phu lục số 02: Tổng hợp số vụ trẻ em bị xâm hại, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em bị tai nạn thương tích trên địa bàn

Ghi chú: Năm 2021, 2022 tính đến ngày 31/12; năm 2023 tính đến thời điểm báo cáo

| STT | Họ và Tên | Tổng số | Địa chỉ | Ngày tháng xảy ra vụ việc | Tóm tắt vụ việc | Hình thức, biện pháp hỗ trợ, can thiệp | Kết quả giải quyết |
|------------|---|----------------|----------------|----------------------------------|------------------------|---|---------------------------|
| I | Trẻ bị bạo lực | | | | | | |
| ... | | | | | | | |
| II | Trẻ em bị bóc lột | | | | | | |
| ... | | | | | | | |
| III | Trẻ em bị xâm hại tình dục | | | | | | |
| ... | | | | | | | |
| IV | Trẻ em bị mua bán | | | | | | |
| ... | | | | | | | |
| V | Trẻ em bị bỏ rơi, bỏ mặc | | | | | | |
| ... | | | | | | | |
| VI | Trẻ em bị tai nạn thương tích | | | | | | |
| ... | | | | | | | |
| VII | Trẻ em bị các hình thức gây tổn hại khác | | | | | | |
| ... | | | | | | | |

(Kèm theo báo cáo cấp xã)

Phụ lục 03: TÌNH HÌNH SỬ DỤNG LAO ĐỘNG CHƯA THÀNH NIÊN

| TT | Tên cơ sở sản xuất kinh doanh hoặc chủ hộ | Địa chỉ | Số lao động chưa thành niên từ đủ 15- dưới 18 tuổi | Số lao động người từ đủ 13 đến chưa đủ 15 | Số lao động dưới 13 tuổi làm việc | Đã được thanh tra, kiểm tra về sử dụng lao động (nếu có) |
|-------------|--|----------------|---|--|--|---|
| 1 | Cơ sở ... | | | | | |
| 2 | Hộ.... | | | | | |
| | | | | | | |
| Tổng | | | | | | |

(Kèm theo báo cáo cấp xã)

Phụ lục số 04: Thực hiện các chính sách hỗ trợ đối với trẻ em

1. Chính sách chăm sóc sức khỏe, tư vấn, trị liệu tâm lý, hỗ trợ pháp lý

| STT | Họ tên | Địa chỉ | Trẻ em bị xâm hại được giám định sức khỏe | Trẻ em bị xâm hại được tư vấn, trị liệu tâm lý | Trẻ em bị xâm hại được hỗ trợ pháp lý |
|----------|--------|---------|---|--|---------------------------------------|
| Năm 2021 | | | | | |
| | | | | | |
| Năm 2022 | | | | | |
| | | | | | |
| Năm 2023 | | | | | |
| | | | | | |

2. Chính sách trợ giúp xã hội

| STT | Họ tên | Địa chỉ | Trẻ em được hỗ trợ khẩn cấp | Trẻ em được trợ cấp thường xuyên | Cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế trẻ em được trợ cấp khẩn cấp | Cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế trẻ em được trợ cấp thường xuyên |
|----------|--------|---------|-----------------------------|----------------------------------|---|---|
| Năm 2021 | | | | | | |
| | | | | | | |
| Năm 2022 | | | | | | |
| | | | | | | |
| Năm 2023 | | | | | | |
| | | | | | | |

3. Chính sách trợ giúp giáo dục – đào tạo

| STT | Họ tên | Địa chỉ | Cơ sở giáo dục thực hiện | Trẻ em khuyết tật được hỗ trợ |
|----------|--------|---------|--------------------------|-------------------------------|
| Năm 2021 | | | | |
| | | | | |
| Năm 2022 | | | | |
| | | | | |
| Năm 2023 | | | | |
| | | | | |

Ghi chú: Năm 2021, 2022 tính đến ngày 31/12; năm 2023 tính đến thời điểm báo cáo.

Phụ lục số 05: Kinh phí cho công tác thực hiện quyền trẻ em và phòng, chống xâm hại trẻ em
(Đvt: nghìn đồng)

| Số TT | Danh mục nguồn kinh phí | Kinh phí bố trí | | | Kinh phí đã sử dụng | | |
|-----------|---|-----------------|----------|----------|---------------------|----------|----------|
| | | Năm 2021 | Năm 2022 | Năm 2023 | Năm 2021 | Năm 2022 | Năm 2023 |
| I | Nguồn kinh phí để thực hiện chính sách trợ giúp thường xuyên | | | | | | |
| 1 | Hỗ trợ từ ngân sách Trung ương | | | | | | |
| 2 | Ngân sách địa phương | | | | | | |
| 3 | Quỹ Bảo trợ trẻ em | | | | | | |
| 4 | Nguồn tài trợ từ các tổ chức, cá nhân nước ngoài | | | | | | |
| 5 | Nguồn khác | | | | | | |
| II | Nội dung kinh phí | | | | | | |
| 1 | Kinh phí trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội liên quan đến trẻ em | | | | | | |
| 2 | Kinh phí tuyên truyền | | | | | | |
| 3 | Kinh phí tập huấn về BVCSTE có HCĐB | | | | | | |
| 4 | Kinh phí của Quỹ Bảo trợ trẻ em | | | | | | |
| 5 | Kinh phí hoạt động thường xuyên, đầu tư xây dựng cơ bản và các chi khác về BVCSTE có HCĐB | | | | | | |
| 6 | Kinh phí thực hiện quy trình can thiệp, trợ giúp trẻ em trong trường hợp khẩn cấp | | | | | | |
| 7 | Chi khác (Đơn vị có thể báo cáo theo nội dung thực tế đã chi) | | | | | | |
| | Tổng | | | | | | |

Ghi chú: - Số liệu năm 2021, 2022 tính đến ngày 31/12 hàng năm
- Số liệu năm 2023 tính từ ngày 01/01 đến thời điểm báo cáo.